

Số: 1466/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 16 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ  
dự án: Khu Lâm viên, thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh*





Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 730/TCKH ngày 04/11/2020 của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố về việc thẩm định kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Lâm viên thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 564/TTr-TNMT ngày 16/11/2020 và Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 187/TTr-TTPTQĐ ngày 08/9/2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu Lâm viên, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ phải chi trả là: **185.758.590 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi năm triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm chín mươi đồng).

#### **Trong đó:**

- Tổng dự toán kinh phí:	<b>185.758.590 đồng</b>
+ Các chi phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường:	31.672.652 đồng
+ Chi phí thẩm định cho hội đồng thẩm định:	37.151.718 đồng
+ Chi phí xác định giá đất:	68.842.648 đồng
+ Chi phí đo đạc địa chính:	48.091.571 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.





- Thời gian chi trả tiền bồi thường: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ****Dự án: Khu Lâm viên, thành phố Lai Châu***Kèm theo Quyết định số: 1466/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	Đồng			<b>185.758.590</b>	
<b>1</b>	<b>Các chi phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường</b>	Đồng			<b>31.672.652</b>	
<b>2</b>	<b>Chi phí thẩm định cho Hội đồng thẩm định</b>	Đồng			<b>37.151.719</b>	
	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Đồng			18.575.859	
	Sở Tài chính (Thẩm định giá đất)	Đồng			7.430.344	
	Sở Tài nguyên và Môi trường (Thẩm định giá đất)	Đồng			7.430.344	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Đồng			3.715.172	
<b>3</b>	<b>Chi phí đo đạc địa chính</b>	Đồng			<b>48.091.571</b>	Đã phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố Lai Châu
<b>4</b>	<b>Chi phí xác định giá đất</b>	Đồng			<b>68.842.648</b>	







**DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN KHU LÂM VIÊN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND thành phố Lai Châu)

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đã duyệt là:

**5.307.388.312 đồng.**

- Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020

ĐVT: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán thẩm định				Thành tiền
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá/hệ số (đồng)	
	<b>TỔNG CỘNG:</b>						<b>185.758.590</b>
<b>1</b>	<b>Chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:</b>						<b>185.758.590</b>
<b>a</b>	<b>Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>						<b>1.000.000</b>
a1	Chi cho nhân công không hưởng lương từ ngân sách (Tổ trưởng tổ dân phố) tham gia Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Công	1	10		100.000	1.000.000
<b>b</b>	<b>Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác</b>						<b>63.035.228</b>
b1	Chi tiền công trả cho lao động hợp đồng thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	Người/tháng	1		3	4.981.219	14.943.657
b2	Chi trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường và cắm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình (Đã phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 11/3/2019)	Hợp đồng			1	48.091.571	48.091.571
<b>c</b>	<b>Chi cho công tác xác định giá đất bao gồm trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất, xác định hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường (nếu có), thẩm định giá đất cụ thể; xác định giá tài sản gắn liền với đất phục vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;</b>						<b>68.842.648</b>
c1	Chi phí định giá đất cụ thể (Có biểu tổng hợp dự toán thẩm định kèm theo)	Hợp đồng			1		68.842.648
<b>d</b>	<b>Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;</b>						<b>1.150.000</b>
<b>e</b>	<b>Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;</b>						<b>37.151.718</b>





TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị Dự toán thẩm định				Thành tiền
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá/hệ số (đồng)	
e1	Kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng				10%	18.575.859
e2	Chi phí thẩm định giá đất cụ thể của Sở Tài nguyên và Môi trường	Đồng				4%	7.430.344
e3	Chi phí thẩm định giá đất cụ thể của Sở Tài chính	Đồng				4%	7.430.344
e4	Chi phí thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư của Phòng Tài chính Kế hoạch	Đồng				2%	3.715.172
<b>f</b>	<b>Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường</b>						
<b>g</b>	<b>Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe</b>						<b>10.563.147</b>
g1	Chi văn phòng phẩm giấy, bút, thiết bị văn phòng						3.000.000
g2	Chi mực máy phô tô, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in...						3.063.147
g3	Chi xăng xe cho công chức, viên chức (khoán 500.000 đồng/tháng)	tháng	3		3	500.000	4.500.000
<b>h</b>	<b>Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>						
<b>k</b>	<b>Các khoản chi khác liên quan trực tiếp tới công tác bồi thường, GPMB</b>						<b>4.015.849</b>
<b>2</b>	<b>Dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất lập dự toán riêng (nếu có)</b>						-





**BIỂU TỔNG HỢP THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN CHI PHÍ  
ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ DỰ ÁN KHU LÂM VIÊN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định 1466/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND thành phố Lai Châu)*

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Diễn giải
<b>A</b>	<b>Đơn giá sản phẩm</b>	<b>61.734.988</b>	
1	Chi phí trực tiếp	53.139.457	
a	Chi phí nhân công	51.465.823	Bảng tính tiền công lao động
b	Chi phí vật liệu	593.918	Bảng tính vật liệu
c	Chi phí dụng cụ	379.965	Bảng tính dụng cụ
d	Chi phí khấu hao thiết bị	699.752	Bảng tính thiết bị
2	Chi phí chung	8.595.531	Thông tư 136/2017/TT-BTC, ngày 22/12/2017
<b>B</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>849.238</b>	
1	Chi phí khảo sát, lập dự toán	849.238	Thông tư 136/2017/TT-BTC, ngày 22/12/2017
<b>Tổng:</b>		<b>62.584.226</b>	
Thuế GTGT 10% :		6.258.423	
<b>Tổng giá trị dự toán:</b>		<b>68.842.648</b>	

